

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 05-7-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. PHẠM VĂN C, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị Đ; có vợ là Đỗ Thị L (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Bản án số 12/2017/HSST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Ngày 18 tháng 9 năm 2018, bị Công an huyện A xử phạt bằng hình thức phạt tiền về hành vi "Đánh bạc"; nhân thân: Bản án số 02/2008/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2008 của Tòa án nhân dân quận L, Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (đã xóa án tích); Bản án số 32/2011/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện A, Hải Phòng xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 9 năm 2018, đến ngày 02 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

2. ĐÀO TIẾN D (tên gọi khác Đào Phú D), sinh ngày 06 tháng 4 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đồng Tử 1, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Phú M và bà Trần Thị T1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 16/2017/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận K, Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 316/STHS ngày 21 tháng 11 năm 2002 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 10 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bản án số 480/PTHS ngày 27 tháng 3 năm 2003 của Tòa án nhân dân Tối cao tuyên y án sơ thẩm (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 9 năm 2018, đến ngày 02 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Chị Mai Thị H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Đội 6B, thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 9, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện A, Hải Phòng (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Hiếu là con đẻ chị Hằng - người làm chứng); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị Mỹ L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Đội 6, thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Đ 1, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Vũ Thị Bích N; vắng mặt.

+ Anh Đào Văn C; vắng mặt.

+ Anh Lý Văn H3; vắng mặt.

+ Cháu Vũ Trung H4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có sự bàn bạc từ trước, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24 tháng 9 năm 2018, Phạm Văn C bảo Đào Tiến D dùng xe mô tô Yamaha Nouvo LX màu đỏ đen chở C đi từ nhà C ở thôn L, xã M, huyện A đến huyện K để cướp giật tài sản. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực chợ thuộc xã T, huyện K, C nhìn thấy chị Vũ Thị H, sinh năm 1988, trú tại thôn T1, xã T có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng trên cổ đang đi xe đạp ngược chiều. C bảo D quay xe lại áp sát vào xe của chị H, C dùng tay phải giật sợi dây chuyền. Sau đó, D chở C bỏ chạy về hướng trung tâm huyện K.

Trên đường bỏ chạy, đến khu vực thôn C, xã M, huyện K vào khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, C nhìn thấy bà Vũ Thị T, sinh năm 1962, trú tại C, xã M đang ngồi ở ruộng rau sát lề đường có đeo 01 sợi dây chuyền vàng trên cổ, C bảo D quay xe lại, áp sát bà T, C dùng tay trái giật sợi dây chuyền. Sau đó, D chở C bỏ chạy về phía thị trấn N, huyện K. Khi đến khu vực gần trạm điện lực ở khu H, thị trấn N, huyện K thì D, C bị quần chúng nhân dân và Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Trong túi quần bỏ phía trước bên trái của C 01 đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 48 cm dạng dẹt (ký hiệu M1); 01 đoạn dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 44 cm, có mặt hình chữ nhật kích thước 1,5 cm x 01 cm có gắn đá, ở phần đầu nối giữa mặt và dây chuyền có in ký hiệu ĐP J600 (ký hiệu M2). Trong túi quần bỏ phía trước bên phải của C 01 bình hình trụ tròn dài 14 cm, đường kính 03 cm, có nắp màu đen, thân bình màu xanh và in chữ NATO màu trắng. Trong túi quần phía sau bên phải của D gồm: 01 đầu vam phá khóa là thanh kim loại màu xám dài 07 cm (một đầu được mài dẹt, một đầu hình lục năng); 01 chòong siết ốc bằng kim loại trắng cỡ số 8; 01 tuốc nơ vít dài 09 cm, cán màu đỏ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu đỏ đen BKS: 15 H1 - 158.98.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn C và Đào Tiến D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Các bị cáo còn khai nhận: Xe mô tô Yamaha Nouvo LX, màu đỏ đen có BKS đúng của xe là: 16 R5 - 1214 dùng làm phương tiện phạm tội là xe thuộc sở hữu của chị Đỗ Thị L, sinh năm 1978, trú tại đội 6, thôn Đ, xã T1, huyện T, Hải Phòng (trước là vợ C đã ly hôn tháng 9 năm 2018). Trước khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 24 tháng 9 năm 2018, C và D đã tháo biển số 16 R5 - 1214 và lắp biển số 15 H1 - 158.98 do C nhặt được ở rìa đường khu vực xã M, huyện A, Hải Phòng để tránh bị phát hiện biển số thật của xe. Quá trình bỏ chạy từ thôn T1, xã T về thôn C, xã M, huyện K, biển số xe 16 R5 - 1214 đã bị rơi mất.

Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra C và D đã tự thú, khai nhận về các lần phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2018, C bảo D dùng xe mô tô Yamaha Nouvo LX, màu đỏ đen, BKS: 16 R5 - 1214 chở C từ nhà C ở thôn L, xã M, huyện A đi vào nội thành H có việc. Khi đến khu vực T, phường H, quận D, C nhìn thấy bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 với chị Vũ Thị Bích N, cùng trú tại tổ 9, phường H, huyện D đang đứng nói chuyện ở rìa đường. C thấy trên cổ bà N có đeo 01 sợi dây chuyền vàng liền nảy sinh ý định cướp giật, C bảo D quay xe lại áp sát bà N, C dùng tay phải giật sợi dây chuyền làm dây bị đứt nên chỉ giật được một đoạn dây chuyền dài khoảng 05 cm. D chở C bỏ chạy và đem đoạn dây chuyền vừa cướp giật đến bán tại Cửa hàng vàng D ở số 949, đường T, quận K, thành phố Hải Phòng được 428.000 đồng, D và C cùng chi tiêu hết.

Lần thứ hai: Sáng ngày 22 tháng 9 năm 2018, C bảo D cùng nhau đi sang khu vực xã T, huyện K để cướp giật tài sản. D dùng xe mô tô Yamaha Nouvo LX, màu đỏ đen, BKS: 16 R5 - 1214 chở C đi từ xã M huyện A theo đường gom cao tốc 5B về hướng xã T, huyện K. Khi đi qua khu vực UBND xã T, C thấy chị Mai Thị H1, sinh năm 1982, trú tại đội 6B, thôn X, xã T, huyện K đi xe đạp ngược chiều, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng. C bảo D điều khiển xe quay lại, đi theo chị H1 vào một ngõ nhỏ. Thấy vắng người, D điều khiển xe áp sát vào phía bên trái chị H1, C dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ chị H1 nhưng trượt. Sau đó, D điều khiển xe bỏ chạy về phía trước, do đường cụt nên phải quay xe ngược lại. Chị H1 hô hoán và cùng chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975, anh Đào Văn C, sinh năm 1982 cùng trú tại thôn X, xã T chặn ở giữa đường nhưng D chở C bỏ chạy thoát được về xã M, huyện A.

Lần thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 23 tháng 9 năm 2018, C rủ D sang khu vực huyện A cướp giật tài sản. D điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo LX, màu đỏ đen, BKS: 16R5 - 1214 chở C đi từ xã M, huyện A, khi đi đến khu vực đội 8, thôn H, xã Đ, huyện A, C thấy chị Trần Thị H, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã Đ, huyện A đang đi xe đạp ngược chiều, trên cổ có đeo một sợi dây chuyền vàng. C bảo D quay xe lại, áp sát vào bên trái chị H, C dùng tay phải giật sợi dây chuyền làm dây bị đứt, do giật mình nên chị H bị ngã. Sau đó, D chở C bỏ chạy về nhà C. Cường đưa sợi dây chuyền vừa cướp giật được cho D mang đến hiệu vàng L ở thị trấn T, huyện T bán được 2.600.000 đồng, D đưa cho C 1.000.000 đồng, các bị can chi tiêu hết số tiền trên.

Trong các ngày 13 tháng 9 năm 2018, 23 tháng 9 năm 2019 và ngày 15 tháng 10 năm 2018 bị hại là bà N, chị H1, chị H có đơn trình báo Cơ quan Công an giải quyết.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, chị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 mặt dây chuyền bằng vàng hình bông hoa gắn đá màu trắng bị C, D giật đứt và rơi lại hiện trường nên chị đã nhặt lại được. Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong vật chứng (ký hiệu M3).

Ngày 30 tháng 9 năm 2018, bà T giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc giày bên trái màu đen, dạng giày thể thao, thân giày bằng vải có dây buộc, phần viền đế giày màu trắng có in chữ SPORT, kích thước 30 cm x 08 cm. Bà T khai, chiếc giày là của C, khi C giật dây chuyền của bà, bị bà kéo chân lại nên rơi ra đường.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, bà N giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy mua bán vàng tại Cửa hàng vàng bạc T.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, chị H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, sợi dây mỏng nhỏ dài 47 cm, ở khuy khóa dây chuyền có ký hiệu AN.

Kết luận định giá tài sản ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 đoạn dây chuyền bằng vàng tây dài 44 cm, đường kính 0,3 cm và 01 mặt dây chuyền bằng vàng tây hình chữ nhật gắn đá kích thước 1,5 cm x 01cm, ở đầu nối giữa mặt nối dây chuyền có in chữ hiệu ĐP J600 của bà Vũ Thị T trị giá 5.757.000 đồng; 01 đoạn dây chuyền bằng vàng tây dài 48 cm, dạng đẹp và 01 mặt dây chuyền bằng vàng tây hình bông hoa gắn mặt đá màu trắng của chị Vũ Thị H trị giá 4.770.000 đồng (trong đó đoạn dây chuyền 2.961.000 đồng; mặt dây chuyền hình bông hoa 1.809.000 đồng). Tổng trị giá tài sản là 10.527.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 30/KLĐG ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận D, kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng hình xoắn thành các móc xích với nhau có trọng lượng 2,5 chỉ, loại vàng 16k của bà Nguyễn Thị N có trị giá 6.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 dây chuyền vàng, mỏng, nhỏ, dài 47 cm, ở khuy khóa có ký hiệu “AN” loại vàng tây của chị H1 có trị giá 2.100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: 01 dây chuyền vàng gồm nhiều mắt xích hình tròn kết nối với nhau, dài khoảng 40cm, tuổi vàng 16k, trọng lượng 2,03 chỉ trị giá 4.669.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng tây, tuổi vàng 16k, trọng lượng 0,214 chỉ trị giá 492.200 đồng.

Kết luận giám định ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu

vàng (mẫu số 1) có khối lượng 4,7542gam, là hợp kim của Vàng (Au), Bạc (Ag), Niken (Ni), Đồng (Cu) và Kẽm (Zn), hàm lượng trung bình của Vàng (Au) là 58%; 01 sợi dây chuyền và một mặt đều bằng kim loại màu vàng, trên dây có in dòng chữ và số ĐPJ (mẫu số 2) có tổng khối lượng 9,2025gam, là hợp kim của Vàng (Au), Bạc (Ag), Niken (Ni), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Paladi (Pd), hàm lượng trung bình của Vàng (Au) là 56,89%; 01 mặt kim loại màu vàng, dạng hình bông hoa, trên có dòng chữ ĐPJ (mẫu số 3) gửi giám định có khối lượng 3,0207gam, là hợp kim của Vàng (Au), Bạc (Ag), Niken (Ni), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), hàm lượng trung bình của Vàng (Au) là 59,69%.

Kết luận giám định ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng của chị H1 có khối lượng 3,2034gam, là hợp kim của Vàng, hàm lượng trung bình của Vàng là 54,53% .

Kết luận giám định số 05 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Bình xịt vỏ bằng kim loại màu xanh, hình trụ tròn, bình cao 15,1 cm, đường kính 3,5 cm, trên vỏ có chữ “AMERICAN STYLE NATO...” là bình xịt hơi cay, có thành phần hóa học: Octoclorobenzylidene malononitrinle (CS). CS là một loại hóa chất độc gây bỏng rát, đau nhức và làm chảy nước mắt. Bình xịt hơi cay nói trên là công cụ hỗ trợ của lực lượng an ninh quốc phòng, do nước ngoài sản xuất.

Kết luận giám định số 152 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Biển kiểm soát 15 H1 - 158.98 là thật.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

+ Trả lại chị Vũ Thị H 01 sợi dây chuyền vàng dài 48 cm, dạng dẹp và 01 mặt dây chuyền vàng hình bông hoa gắn mặt đá trắng.

+ Trả lại bà Vũ Thị T 01 sợi dây chuyền vàng dài 44 cm, đường kính 0,3 cm và 01 mặt dây chuyền vàng hình chữ nhật có gắn đá kích thước 1,5 cm x 01 cm, ở đầu nối giữa mặt nối dây chuyền có in chữ hiệu ĐP J600.

+ Trả lại chị Mai Thị H1 01 sợi dây chuyền vàng, mỏng, nhỏ dài 47 cm, ở khuy khóa có ký hiệu AN.

Đối với những tài sản gồm:

+ 01 dây chuyền vàng gồm nhiều mắt xích hình tròn kết nối với nhau, dài khoảng 40 cm, tuổi vàng 16k, trọng lượng 2,03 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng tây,

tuổi vàng 16k, trọng lượng 0,214 chỉ của chị Hằng và 01 đoạn dây chuyền vàng của bà Nhánh, bà đã bán đi nên không thu hồi được.

+ Đối với BKS: 16 R5 - 1214, các bị cáo làm rơi trong quá trình bỏ chạy nên chưa thu hồi được.

+ Đối với BKS 15 H1 - 158.98, qua điều tra xác định là biển số xe của chị Vũ Thị H2, sinh năm 1983, ở thôn N, xã K, huyện T, Hải Phòng bị mất trộm vào đêm ngày 14, rạng sáng ngày 15 tháng 9 năm 2018. Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau và có công văn trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để giải quyết theo quy định.

+ Đối với 01 bình xịt hơi cay hình trụ tròn dài 14 cm, đường kính 03 cm, có nắp màu đen, thân bình màu xanh và có in dòng chữ NATO màu trắng. Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện K đề nghị Ủy ban nhân dân huyện K xử lý theo thẩm quyền.

+ Còn lại 01 Giấy mua bán tại Cửa hàng vàng bạc T do bà N giao nộp.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX, màu đỏ đen, số khung RLCN5P1109Y1219441, số máy 5P11 - 129442; 01 đầu vạm phá khóa xe máy bằng kim loại dài 7 cm (01 đầu được mài đẹp, 01 đầu hình lục lăng); 01 chông xiết ốc bằng kim loại màu trắng cỡ số 8; 01 tuốc nơ vít dài 9 cm có cán màu đỏ; 01 chiếc giày vải màu đen của C, chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-KT ngày 14 tháng 5 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy đã truy tố Bùi Văn C, Đào Tiến D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận tội:

- Phạm Văn C khai: Khoảng 17 giờ ngày 24 tháng 9 năm 2018, do có sự bàn bạc từ trước, Dũng chở Cường bằng xe mô tô Yamaha Novou LX, màu đỏ đen, BKS: 15H1-158.98 (là biển kiểm soát các bị cáo nhất được lắp vào, không phải biển kiểm soát của xe) áp sát vào xe đạp của chị Vũ Thị H ở khu vực chợ thuộc xã T, huyện K để C thực hiện hành vi cướp giật một sợi dây chuyền đang đeo trên cổ rồi bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy đến khu vực thôn C, xã M, huyện K vào khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô áp sát người của bà Vũ Thị T để C tiếp tục cướp giật một sợi dây chuyền vàng, cả hai bỏ chạy về phía thị trấn N, khi đến khu vực gần trạm điện lực ở khu H, thị trấn N, huyện K thì D, C bị quần chúng nhân dân và Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Ngoài ra

các bị cáo còn thực hiện 03 lần hành vi cướp giật tài sản, gồm: Khoảng 07 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2018, C bảo D dùng xe mô tô Yamaha Novou LX, màu đỏ đen, BKS: 16R5-1214 chở Cường đến khu vực T, phường H, quận D, D điều khiển xe áp sát người của bà Nguyễn Thị N để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ làm dây chuyền bị đứt nên chỉ cướp giật được một đoạn dây chuyền dài khoảng 05 cm. D chở C bỏ chạy và đem đoạn dây chuyền vừa cướp giật đến bán tại Cửa hàng vàng D ở số 949, đường T, quận K, H được 428.000 đồng, D và C cùng chi tiêu hết; sáng ngày 22 tháng 9 năm 2018, D điều khiển xe mô tô chở C đi qua khu vực Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, D điều khiển xe mô tô áp sát xe đạp của chị Mai Thị H1 để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ, nhưng giật trượt, sau đó D chở C bỏ chạy thoát được về xã M, huyện A; khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 2018, D chở C đi đến khu vực đội 8, thôn H, xã Đ, huyện A, D điều khiển xe mô tô áp sát xe đạp của chị Trần Thị H2 để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng. C đưa cho D mang đến hiệu vàng L ở thị trấn T, huyện T bán được 2.600.000 đồng, D đưa cho C 1.000.000 đồng, các bị can chi tiêu hết số tiền trên. Xe mô tô Yamaha Novou LX, màu đỏ đen, BKS: 16R5-1214 các bị cáo sử dụng trong 05 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của 05 bị hại là xe do C mượn của vợ đã ly hôn là chị L để đi làm thuê, xe đó là tiền riêng của chị L bỏ ra mua, có giấy tờ mua bán và giấy tờ về nguồn gốc xe đầy đủ.

- Đào Tiến D khai thống nhất với lời khai của D, do quen biết C nên 05 lần được C rủ đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì D đều đồng ý và dùng xe mô tô Yamaha Novou LX, màu đỏ đen do C mượn của vợ đã ly hôn là chị L để D chở C đến các khu vực thuộc huyện A, quận D, huyện K thực hiện hành vi cướp giật tài sản 05 lần, đúng như lời khai của C. Sau khi cướp giật được tài sản, D và C đều cùng nhau đi tiêu thụ, cùng nhau ăn tiêu hết. Đến ngày 24 tháng 9 năm 2019, cả hai cùng bị bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, chị H khai: Khoảng 17 giờ ngày 24 tháng 9 năm 2019, khi chị đang đi xe đạp từ khu vực chợ xã T, huyện K về nhà thì bị D chở C đi xe máy áp sát từ phía sau lên để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ. Sau đó D, C bỏ chạy về hướng trung tâm huyện K, chị có hô "Cướp, cướp, ..." rồi đạp xe về nhà nói với chồng việc vừa bị cướp giật 01 dây chuyền vàng, hai vợ chồng đuổi theo D, C đến khu vực gần trạm điện lực ở khu H, thị trấn N, huyện K thì cùng mọi người và Công an huyện K bắt được D, C và thu giữ vật chứng. Cơ quan Công an đã thu hồi, trả lại cho chị. Nay chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, bà T khai: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 24 tháng 9 năm 2019, khi bà đang ngồi ở ruộng rau sát lề đường phía trước nhà bà ở thôn C, xã M, huyện K thì bị D chở C đi xe máy áp sát phía sau lưng bà, C ngồi phía sau

xe cướp giật của bà 01 sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ, bà liền hô "Cướp, Cướp, ..." cùng lúc đó bà thấy có một số người đuổi theo D, C. Sau đó, D, C bỏ chạy về phía thị trấn N, huyện K thì bị bắt. Cơ quan Công an đã thu hồi vật chứng, trả lại cho bà. Nay bà không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, bà N khai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2018, khi bà đang đứng nói chuyện ở khu T, phường H, quận D với chị Vũ Thị Bích N, cùng trú tại tổ 9, phường H, quận D thì bị D chở C đi xe máy áp sát người bà để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ làm dây bị đứt nên chỉ cướp giật được một đoạn dây chuyền vàng dài khoảng 05 cm. Khi D, C bỏ chạy, bà có hô "Cướp, cướp, ..." những người xung quanh có đuổi theo nhưng không bắt được. Sợi dây chuyền còn lại bà đã mang đi bán, nay bà không yêu cầu D, C phải bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, chị H1 khai: Sáng ngày 22 tháng 9 năm 2018, chị đi xe đạp qua khu vực UBND xã T, huyện K rồi rẽ vào ngõ để về nhà thì bị D chở C đi xe máy áp sát từ phía sau để C cướp giật một sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ, nhưng giật trượt. D, C bỏ chạy mất. Chị đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D và không yêu cầu D, C phải bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, chị H2 khai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23 tháng 9 năm 2018, khi chị đang đi xe đạp ở khu vực đội 8, thôn H, xã Đ, huyện A thì bị D chở C đi xe máy áp sát từ phía sau để C cướp giật của chị một sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ, do giật mình nên chị bị ngã ra đường. D, C bỏ chạy mất, sau đó chị nhặt lại được 01 mặt dây chuyền của chị rơi tại hiện trường, chị giao nộp lại cho Cơ quan Công an. Chị yêu cầu D, C phải bồi thường cho chị giá trị sợi dây chuyền đó với số tiền 5.161.200 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Mỹ L khai: Chị với bị cáo C kết hôn năm 2001, có 02 con chung, đã ly hôn năm 2018. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX màu đỏ đen, BKS: 16 R5 - 1214 là của chị bỏ tiền riêng để mua từ ngày 05 tháng 10 năm 2017 với giá 15.500.000 đồng có đầy đủ giấy tờ liên quan. Do bị cáo C không có phương tiện để đi làm nên chị đã cho C mượn xe từ khoảng tháng 8 năm 2018. Chị không biết việc C, D sử dụng xe của chị đi cướp giật tài sản, nay chị xin nhận lại xe.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T khai: Bà được biết việc con trai bà là bị cáo Đào Tiến D và Phạm Văn C cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" của 05 người, trong đó 04 người đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, đều không yêu cầu D, C bồi thường gì thêm. Chị Trần Thị H2 yêu cầu D, C phải liên đới bồi thường cho chị giá trị của sợi dây chuyền với số tiền 5.161.200 đồng theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản nên bà tự nguyện nộp số tiền nêu trên vào Chi cục thi hành án dân sự huyện K để bồi thường cho chị H2, bà không yêu cầu

C, D phải trả lại cho bà số tiền nêu trên. Chị H đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Bùi Văn C mức án từ 7 đến 8 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”;

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Tiến D mức án từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Chị Vũ Thị H, bà Vũ Thị T, chị Mai Thị H1, bà Nguyễn Thị N đều không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo.

- + Chị Trần Thị H2 yêu cầu các bị cáo C, D phải liên đới bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt của chị với số tiền 5.161.200 đồng. Mẹ đẻ của bị cáo D là bà Trần Thị T đã tự nguyện nộp bồi thường đầy đủ số tiền trên cho chị H2 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Hải Phòng. Nay bà T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên, cần chấp nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H2 số tiền 5.161.200 đồng (đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX màu đỏ đen, số khung RLCN5P1109Y1219441, số máy 5P11 – 129442 cho chị Đỗ Thị Mỹ L.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đầu vạm phá khóa xe máy bằng kim loại dài 7 cm (01 đầu được mài đẹp, 01 đầu hình lục lăng); 01 chòng xiết ốc bằng kim loại màu trắng cỡ số 8; 01 tuốc nơ vít dài 9 cm có cán màu đỏ; 01 giày vải màu đen của C.

- + Đối với: 01 đoạn dây chuyền dài 5 cm của bà Nguyễn Thị N các bị cáo chiếm đoạt bán được 428.000 đồng; 01 sợi dây chuyền của chị H2 có giá trị

5.161.200 đồng, các bị cáo đã bán được 2.600.000 đồng và đều chi tiêu hết. Chị H2 đã chấp nhận việc mẹ bị cáo D bồi thường cho chị số tiền 5.161.200 đồng (theo kết luận định giá tài sản) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Nay bà N, chị H2 đều không yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường gì thêm nhưng đây là số tiền do các bị cáo thu lợi bất chính mà có, nên buộc bị cáo D phải nộp lại 214.000 đồng, bị cáo C phải nộp lại số tiền 1.514.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện về cơ bản đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 7 giờ ngày 13 tháng 9 năm 2018, Đào Tiến D và Phạm Văn C đã có hành vi điều khiển xe mô tô BKS 16R5-1214 áp sát vào người bà Nguyễn Thị N để cướp giật một dây chuyền vàng đeo ở cổ, trị giá 6.000.000 đồng rồi bỏ chạy. Sáng ngày 22 tháng 9 năm 2018, Đào Tiến D và Phạm Văn C đã có hành vi điều khiển xe mô tô BKS 16R5-1214 áp sát vào xe đạp do chị Mai Thị H1 đang điều khiển để cướp giật một dây chuyền vàng đeo ở cổ, trị giá 2.100.000 đồng rồi bỏ chạy. Khoảng 6 giờ ngày 23 tháng 9 năm 2018, Đào Tiến D và Phạm Văn C lại điều khiển xe mô tô BKS 16R5-1214 áp sát vào xe đạp do chị Trần Thị H đang điều khiển để cướp giật một dây chuyền vàng đeo ở cổ, trị giá 5.161.200 đồng rồi bỏ chạy. khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24 tháng 9 năm 2018, Phạm Văn C và Đào Tiến D điều khiển xe mô tô BKS 15H1-158.98 áp sát vào xe đạp do chị Vũ Thị H đang điều khiển để cướp giật một dây chuyền vàng đeo ở cổ, trị giá 4.770.000 đồng. Trên đường bỏ chạy lại tiếp tục để cướp giật

một dây chuyền vàng của bà Vũ Thị T đang đeo ở cổ, trị giá 6.000.000 đồng. Cả 05 lần D và C đều thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô (là dùng thủ đoạn nguy hiểm) để cướp giật dây chuyền vàng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Văn C, Đào Tiến D đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Tại phiên tòa, sau khi Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự về tình tiết định khung "Có tính chất chuyên nghiệp". Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy cả hai bị cáo đều làm nghề tự do, thu nhập kinh tế không ổn định. Bị cáo C sau khi chấp hành án xong trở về sống chung cùng bố mẹ, đã đi làm thuê cho xưởng cơ khí D ở quận K được 03 tháng trước khi phạm tội, mức thu nhập kinh tế 5.000.000 đồng/tháng, cuộc sống hàng ngày phụ thuộc vào gia đình. Bị cáo D chưa có vợ con, đang sống chung cùng bố mẹ, làm nghề tự do là bả sơn thuê, mỗi tháng thu nhập 6.000.000 đồng. Cả hai bị cáo đều không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, Viện kiểm sát truy tố cả 02 bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung "Có tính chất chuyên nghiệp" là chưa đủ căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C và D đều có sự bàn bạc, thống nhất ý chí, được xác định là vụ án có đồng phạm; trong 05 lần các bị cáo thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" đều có sự phân công rõ ràng, bị cáo C là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo D. Bị cáo D là người tiếp nhận ý chí và giúp sức cho bị cáo C nên phải chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn bị cáo C. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm, để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, D đều có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm", các bị cáo phạm tội lần 02 trở lên. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

mình, các bị cáo đều tự nguyện khai báo với Cơ quan điều tra về hành vi "Cướp giật tài sản" của chị H1, bà N và chị H2 trước khi bị phát hiện nên được áp dụng tình tiết "Tự thú". Bị cáo D có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, câu ruột là liệt sỹ và có bố đẻ được tặng thưởng nhiều "Giấy khen" trong công tác. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo D đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ số tiền cho chị Trần Thị H2. Bị hại là chị Trần Thị H và chị Mai Thị H1 đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D. Do đó, bị cáo C, D đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích về nhân thân, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải tiếp tục bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, cải tạo giáo dục các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nay các bị hại chị Vũ Thị H, bà Vũ Thị T, chị Mai Thị H1, bà Nguyễn Thị N đã nhận lại đầy đủ tài sản, đều không yêu cầu đề nghị gì thêm, nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo.

Chị Trần Thị H2 yêu cầu các bị cáo C, D phải liên đới bồi thường trị giá tài sản đã bị cướp giật với số tiền 5.161.200 đồng theo kết luận định giá. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo D đã tác động mẹ đẻ là bà T1 nộp bồi thường đủ số tiền 5.161.200 đồng cho chị Hằng theo biên lai thu tiền số 0002726 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Nay chị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Bà T1 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho bà số tiền đã bồi thường, bị cáo D không yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả lại một phần trong tổng số tiền đã bồi thường nên được chấp nhận. Buộc các bị cáo Phạm Văn C và Đào Tiến D phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 5.161.200 đồng (đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002726 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX màu đỏ đen, số khung RLCN5P1109 Y1219441, số máy 5P11 - 129442, chủ sở hữu hợp pháp là chị Đỗ Thị Mỹ L cho bị cáo C mượn đi làm, chị L không biết các bị cáo sử dụng để phạm tội, cần trả lại cho chị L.

- Đối với 01 đầu vạm phá khóa xe máy bằng kim loại dài 07 cm (01 đầu được mài đẹp, 01 đầu hình lục lăng); 01 chông xiết ốc bằng kim loại màu trắng cỡ số 8; 01 tuốc nơ vít dài 9 cm có cán màu đỏ; 01 giày vải màu đen của bị cáo C không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Đối với 01 đoạn giây chuyền dài 05 cm, các bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N, các bị cáo đã bán được 428.000 đồng và cùng nhau chi tiêu hết. Nay bà N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Hội đồng xét xử xác định đây là số tiền do các bị cáo C và D do thu lợi bất chính mà có: Buộc mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 214.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; 01 sợi dây chuyền của chị Trần Thị H2 có giá trị 5.161.200 đồng các bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo D bán được 2.600.000 đồng, chia cho bị cáo C 1.000.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết, bà T1 mẹ đẻ bị cáo D đã tự nguyện bồi thường thay cả hai bị cáo cho chị H số tiền 5.161.200 đồng (đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002726 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K), không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền trên, được chấp nhận. Do đó, không buộc bị cáo C nộp lại số tiền 1.300.000 đồng do thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước như Viện kiểm sát đề nghị.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, các chủ hiệu mua bán vàng bạc L là bà Bùi Thị L, sinh năm 1960 và ông Lê Văn N, sinh năm 1955, cùng trú tại số 6, khu 3 T, thị trấn T, huyện T; chủ hiệu mua bán vàng bạc D1 là anh Phạm Văn D1, sinh năm 1970, trú tại số 949 T, phường Q, quận K đã mua những sợi dây chuyền vàng do các bị cáo cướp giật. Bà L, ông N, anh D1 không biết các tài sản trên là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Trong khi C, D cướp giật tài sản đã làm bà Nguyễn Thị N, chị Mai Thị H1, chị Vũ Thị H đều bị trầy xước da nhỏ ở cổ, thương tích đã khỏi; những người bị hại đều từ chối giám định và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ là bình xịt hơi cay, có thành phần hóa học: Octoclorobenzylidene malononitrinle (CS) của D. D chưa bị xử lý hành chính hoặc bị kết án về tội này nên hành vi tàng trữ bình xịt hơi cay không cấu thành tội Tàng trữ công cụ hỗ trợ. Cơ quan điều tra Công an huyện K đã chuyển UBND huyện K giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bùi Văn C 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24 tháng 9 năm 2018.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Đào Tiến D (tên gọi khác Đào Phú D) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24 tháng 9 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Văn C và Đào Tiến D phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 5.161.200 đồng (năm triệu, một trăm sáu một nghìn, hai trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002726 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX màu đỏ đen, số khung RLCN5P1109Y1219441, số máy 5P11 -129442 cho chị Đỗ Thị Mỹ L.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đầu vạm phá khóa xe máy bằng kim loại dài 7 cm (01 đầu được mài đẹp, 01 đầu hình lục lăng); 01 chòong xiết ốc bằng kim loại màu trắng cỡ số 8; 01 tuốc nơ vít dài 9 cm có cán màu đỏ; 01 giày vải màu đen của Cường (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

Mỗi bị cáo đều phải nộp lại số tiền 214.000đ (hai trăm mười bốn nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Vũ Thị H, bà Vũ Thị T, chị Mai Thị H1, bà Nguyễn Thị N, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị Mỹ L, bà Trần Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Các bị cáo, các bị hại, người có QL, NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng